

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày 20-04-2018
V/v “*Tranh chấp chuyển giao
nghĩa vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST – DS ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Sỹ Hồng N, sinh năm 1989.

Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn bà Ngô Thị T có mặt, bị đơn bà Trần Thị Thanh T vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Sỹ Hồng N có mặt, anh Nguyễn Trung K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Bà Sỹ Hồng N, anh Nguyễn Trung K trước đây có vay của bà Ngô Thị T số tiền 85.000.000 đồng. Bà T đã khởi kiện bà Sỹ Hồng N, anh Nguyễn Trung K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” ra Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản và Tòa án buộc chị Sỹ Hồng N, anh Nguyễn Trung K phải hoàn trả cho bà T số tiền 85.000.000 đồng theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 34/2016/QĐST – DS ngày 01/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Giai đoạn thi hành án chị N, anh K đã bị Chi cục Thi Thành án dân sự huyện Chơn Thành kê biên tài sản là thửa đất số 627, tờ bản đồ số 4 đứng tên ông Nguyễn Trung K và bà Sỹ Hồng N tọa lạc tại ấp Bào Teng, xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chị Sỹ Hồng N và anh Nguyễn Trung K đã trả tiền cho bà T số tiền là 62.000.000 đồng, còn nợ lại 23.000.000 đồng. Do thửa đất bị kê biên nên bà T là mẹ bà N có đứng ra nhận nợ thay cho bà N thì được bà T đồng ý. Bà T có viết giấy vay tiền mà bà Ngọc đang nợ của bà T số tiền là 23.000.000 đồng. Tháng 8 năm 2017 bà T đã trả cho bà T số tiền là 3.500.000 đồng và hiện tại còn nợ lại của bà T số tiền là 19.500.000 đồng. Khi bà T đứng ra nhận nợ để trả nợ thay cho bà N thì bà T hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền là 19.500.000đ, không yêu cầu tính lãi suất, bà T không đồng ý để cho chị Sỹ Hồng N, anh Nguyễn Trung K trả số tiền trên cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày ngày 24/10/2017, biên bản lấy lời khai ngày ngày 09/11/2017, tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2017, đơn yêu cầu xem xét việc trả nợ ngày 08/11/2017 bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án do bà Ngô Thị T khởi kiện thì bà T có ý kiến. Bà Tâm không có quan hệ họ hàng gì với bà T mà chỉ có quen biết ngoài xã hội. Do con bà T là chị Sỹ Hồng N và anh Nguyễn Trung K có nợ tiền của bà T và đã bị Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản kê biên tài sản nên bà T đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay của chị N, anh K và được bà T đồng ý. Giữa bà T và bà T có làm 01 giấy vay tiền để làm tin với nhau với số tiền là 23.000.000 đồng, tháng 8 năm 2017 bà T đã trả cho bà T 02 lần với tổng số tiền là 3.500.000đ và hiện tại còn nợ lại là 19.500.000 đồng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T hoàn trả cho bà T số tiền là 19.500.000đ thì bà T không đồng ý với lý do số tiền trên bà T đứng ra nhận nợ giùm cho chị N, anh K và viết giấy nhận nợ với bà T và yêu cầu chị N, anh K phải trả số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sỹ Hồng N trình bày:

Năm 2016 chị N có nợ bà T 85.000.000đ và bà T đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản. Tòa án đã ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị N đã trả cho bà T số tiền là 62.000.000đ và còn nợ lại 23.000.000đ. Do chị N và bà T cãi nhau nên mẹ chị N là bà T đứng ra nhận trả nợ số tiền

23.000.000đ mà chị N, anh K còn thiếu của bà T. Sau khi nhận nợ với bà T thì bà T đã trả cho bà Thi số tiền 3.500.000đ và còn thiếu 19.500.000đ. Nay chị N tự nguyện đứng ra trả nốt số tiền còn thiếu là 19.500.000đ. Do khó khăn nên xin trả 500.000đ/tháng đến khi trả hết nợ.

Đối với anh Nguyễn Trung K mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K không đến tòa án trình bày ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn một số thiếu sót đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Thanh T nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho chị N, anh K. Hiện tại bà T yêu cầu bà T phải trả số tiền nên đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 19.500.000đ đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án huyện Hớn Quản xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị Thanh T thực hiện thay nghĩa vụ cho con của mình là chị Sỹ Hồng N và anh Nguyễn Trung K và được sự đồng ý của bà Ngô Thị T. Bà T chỉ có yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà T mà không yêu cầu chị N, anh K trả nên tòa án xác định thay đổi quan hệ tranh chấp từ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thành quan hệ tranh chấp “Chuyển giao nghĩa vụ” theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự. Bà Trần Thị Thanh T có địa chỉ tại tổ 02, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là bà Trần Thị Thanh T, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, bà Ngô Thị T đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bà Trần Thị Thanh T sau khi thụ lý vụ án đã có đơn yêu cầu mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tòa án đã ra biên bản hòa giải thành nhưng bà T thay đổi ý kiến nên tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, từ đó bà T không đến tòa án để làm việc. Đối với anh Nguyễn Trung K mặc dù được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh K không đến tòa làm việc. Đồng thời bà T, anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là bà Trần Thị Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan anh Nguyễn Trung K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận chị Sỹ Hồng N, anh Nguyễn Trung K có nợ tiền của bà Ngô Thị T và được tòa án nhân dân huyện Hón Quản ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự chị N và anh K phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 85.000.000 đồng. Tại giai đoạn thi hành án do chị N, anh K trả còn thiếu cho bà T nên bà T đứng ra nhận trả thay cho bà T và được sự đồng ý của bà T. Nay bà T vẫn yêu cầu bà T trả nợ cho bà T số tiền 19.500.000đ, không tính lãi suất, bà T không đồng ý để bà N cùng chồng bà N là anh K trả tiền cho bà T. Từ đó có đủ căn cứ để xác định bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền mà bà T nhận trả thay là quan hệ “Tranh chấp về chuyển giao nghĩa vụ” thuộc khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2005.

Chuyển giao nghĩa vụ giữa bà T và bà T được các bên thực hiện tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp pháp và có giá trị thi hành đối với các bên.

[3] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về nguồn gốc số tiền mà bà Trần Thị Thanh T viết giấy vay nợ cho bà Ngô Thị T thực chất là số tiền mà chị Sỹ Hồng N và anh Nguyễn Trung K phải có nghĩa vụ thi hành án cho bà Ngô Thị T. Do chị N, anh K không có khả năng thanh toán hết cho bà Ngô Thị T nên bà T đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay số tiền là 23.000.000 đồng, sau khi nhận nợ thay bà T đã trả cho bà T được số tiền 3.500.000 đồng, còn lại 19.500.000 đồng. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Trần Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Thi số tiền gốc là 19.500.000 đồng, không đồng ý để cho chị N, anh K trả số tiền còn lại.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị Thanh T trả cho bà Thi số tiền 19.500.000 đồng. Bà Trần Thị Thanh T tự nguyện đứng ra thực hiện nghĩa vụ thay cho chị Sỹ Hồng N và anh Nguyễn Trung K và được sự đồng ý của bà Ngô Thị T. Đối chiếu với quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể tại Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định: 1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ; 2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Như vậy bà Trần Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ngô Thị T. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T được chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 203, 147, 227, 233, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 274, 275, 276, 280, 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Chuyển giao nghĩa vụ*” của bà Ngô Thị T tuyên xử:

1. Bà Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh bà Ngô Thị T số tiền là 19.500.000đ đồng (Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản hoàn trả cho Bà Ngô Thị T số tiền 517.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012317 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hồ Văn Thanh